

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH	1 - 2
BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	5 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	10 - 31

## **BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN ĐIỀU HÀNH VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát của Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Ông Trần Vĩnh Đức	Chủ tịch
Ông Costa Jean - Luc Francois	Phó Chủ tịch
Ông Mai Hữu Thọ	Thành viên
Ông Lê Song Lai	Thành viên
Ông Nguyễn Thế Năng	Thành viên
Ông Lê Văn Thành	Thành viên
Ông Prasanna Rajashekhar Patil	Thành viên

#### **Ban Điều hành**

Ông Lê Văn Thành	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Xuân Phong	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thế Năng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Sinh Tiến	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Phú Thùy	Kế toán trưởng

#### **Ban Kiểm soát**

Ông Lê Việt Thành	Trưởng Ban
Ông Nguyễn Minh Dũng	Thành viên
Ông Clause Pierre Seigne	Thành viên
Ông Trần Đức Hiệp	Thành viên
Ông Nguyễn Như Khoa	Thành viên

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN ĐIỀU HÀNH**

Ban Điều hành Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tổng Công ty trong kỳ phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty bảo hiểm. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Điều hành được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán.
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nếu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất hay không.
- Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

**BÁO CÁO CỦA BAN ĐIỀU HÀNH (Tiếp theo)**

Ban Điều hành Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty bảo hiểm. Ban Điều hành cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Điều hành xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Điều hành, 



**Lê Văn Thành**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 8 năm 2013



Số: 135 /VNIA-HC-BC

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

**Kính gửi:** Các cổ đông  
Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát  
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo (gọi chung là "báo cáo tài chính hợp nhất") của Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (gọi tắt là "Tổng Công ty"), được lập ngày 28 tháng 8 năm 2013 từ trang 5 đến trang 31. Việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Điều hành Tổng Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo kết quả công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Ngoại trừ vấn đề nêu dưới đây, chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam số 910 – "Công tác soát xét báo cáo tài chính". Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Tổng Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên không đưa ra ý kiến kiểm toán.


Như đã nêu tại thuyết minh số 5 và 18 phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng Công ty hợp nhất khoản đầu tư vào công ty liên doanh theo phương pháp vốn chủ sở hữu dựa trên báo cáo tài chính của công ty liên doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013. Chúng tôi không thực hiện soát xét báo cáo tài chính của công ty liên doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 (báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012 cũng chưa được soát xét) do đó chúng tôi không thể đưa ra ý kiến soát xét liên quan đến báo cáo tài chính của công ty liên doanh.


Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu trên, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty bảo hiểm.

## BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)

Như trình bày tại Thuyết minh số 10 và 28 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, ngày 04 tháng 3 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 2803/BTC-QLBH hướng dẫn xử lý hạch toán phần lãi và vốn thu được từ việc thanh lý khoản đầu tư vào Bảo Minh – CMG, một công ty liên doanh, từ năm 2007. Theo đó, số tiền vốn 5.000.000 đô la Mỹ (tương đương 104.075.000.000 đồng) được hạch toán giảm dự phòng dao động lớn trong thời gian không quá 3 năm. Tổng Công ty đã thực hiện phân bổ số tiền vốn trong 3 năm và đã hạch toán giảm quỹ dự phòng dao động lớn với số tiền 17.345.833.334 đồng cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.



  
Võ Thái Hòa  
Phó Tổng Giám đốc  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0138-2013-001-1  
*Thay mặt và đại diện cho*  
**CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM**  
Ngày 28 tháng 8 năm 2013  
Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

  
Nguyễn Minh Thao  
Kiểm toán viên  
Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 1902-2013-001-1



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

**MẪU B01-DNBH/HN**  
Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>2.338.096.123.260</b>	<b>2.333.748.569.426</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>6</b>	<b>244.952.172.128</b>	<b>244.478.136.533</b>
1. Tiền	111		205.452.172.128	193.478.136.533
2. Các khoản tương đương tiền	112		39.500.000.000	51.000.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>7</b>	<b>958.036.523.932</b>	<b>1.053.989.703.821</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		1.125.691.170.966	1.207.866.411.243
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(167.654.647.034)	(153.876.707.422)
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.101.933.615.066</b>	<b>1.008.526.197.230</b>
1. Phải thu khách hàng	131	8	914.816.680.317	731.051.330.408
2. Trả trước cho người bán	132	9	5.183.222.811	3.177.334.427
3. Các khoản phải thu khác	135	10	352.713.944.261	416.284.322.665
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	11	(170.780.232.323)	(141.986.790.270)
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>5.640.918.921</b>	<b>4.694.795.597</b>
1. Hàng tồn kho	141		5.640.918.921	4.694.795.597
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>27.532.893.213</b>	<b>22.059.736.245</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.203.199.926	1.569.894.396
2. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	12	7.064.562.911	12.553.160.938
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		18.265.130.376	7.936.680.911
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200 = 210+220+240+250+260)	<b>200</b>		<b>1.558.273.226.057</b>	<b>1.534.909.109.231</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>	<b>13</b>	<b>35.938.299.939</b>	<b>46.242.875.939</b>
1. Phải thu dài hạn khác	218		35.938.299.939	46.242.875.939
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>441.636.862.839</b>	<b>445.779.902.955</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	14	89.722.559.002	95.325.969.279
- Nguyên giá	222		203.241.585.334	215.599.239.662
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(113.519.026.332)	(120.273.270.383)
2. Tài sản cố định vô hình	227	15	322.818.254.965	317.630.229.336
- Nguyên giá	228		365.670.617.788	355.508.990.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(42.852.362.823)	(37.878.760.686)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	16	29.096.048.872	32.823.704.340
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>	<b>17</b>	<b>25.872.672.714</b>	<b>26.672.063.858</b>
- Nguyên giá	241		27.627.108.426	27.638.017.517
- Giá trị hao mòn lũy kế	242		(1.754.435.712)	(965.953.659)
<b>IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>901.207.235.886</b>	<b>876.817.635.688</b>
1. Đầu tư vào công ty liên doanh	252	18	248.868.479.826	234.945.515.601
2. Đầu tư dài hạn khác	258	19	694.361.088.718	661.360.824.425
3. Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259	19	(42.022.332.658)	(19.488.704.338)
<b>V. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>153.618.154.679</b>	<b>139.396.630.791</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	20	138.986.159.615	125.288.061.283
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	21	2.057.912.598	2.057.912.598
3. Ký quỹ bắt buộc	263	22	6.000.000.000	6.000.000.000
4. Tài sản dài hạn khác	268		6.574.082.466	6.050.656.910
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)</b>	<b>270</b>		<b>3.896.369.349.317</b>	<b>3.868.657.678.657</b>

Các thuyết minh kèm theo từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**  
Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013

**MẪU B01-DNBH/HN**  
Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2013	31/12/2012
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330+340)</b>	<b>300</b>		<b>1.681.991.473.117</b>	<b>1.584.239.330.487</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>608.134.432.704</b>	<b>618.776.075.654</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	2.998.985.191
2. Phải trả người bán	312	23	418.037.502.250	334.489.724.146
3. Người mua trả tiền trước	313	24	56.547.921.887	93.101.463.387
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	25	28.088.350.776	25.935.971.048
5. Phải trả người lao động	315	26	37.307.309.906	49.845.386.007
6. Chi phí phải trả	316		134.216.686	255.128.651
7. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	27	59.199.168.517	111.487.710.774
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		8.819.962.682	661.706.450
<b>II. Dự phòng nghiệp vụ</b>	<b>330</b>	<b>28</b>	<b>1.073.465.493.627</b>	<b>964.933.017.767</b>
1. Dự phòng phí	331		853.617.843.708	730.797.339.404
2. Dự phòng bồi thường	332		115.499.031.067	113.139.717.906
3. Dự phòng dao động lớn	333		104.348.618.852	120.995.960.457
<b>III. Nợ dài hạn</b>	<b>340</b>		<b>391.546.786</b>	<b>530.237.066</b>
I. Phải trả dài hạn khác	343		391.546.786	530.237.066
<b>B. NGUỒN VỐN (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>2.120.311.524.990</b>	<b>2.185.275.346.385</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>29</b>	<b>2.120.311.524.990</b>	<b>2.185.275.346.385</b>
1. Vốn điều lệ	411		755.000.000.000	755.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.133.484.074.449	1.133.484.074.449
3. Quỹ dự trữ bắt buộc	417		55.876.428.668	51.127.490.355
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		2.805.355.353	2.755.650.645
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		20.899.989.617	16.918.099.047
6. Lợi nhuận chưa phân phối	420		152.245.676.903	225.990.031.889
<b>C. LỢI ÍCH CỦA CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ</b>	<b>500</b>	<b>31</b>	<b>94.066.351.210</b>	<b>99.143.001.785</b>
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (600=300+ 400+500)</b>	<b>600</b>		<b>3.896.369.349.317</b>	<b>3.868.657.678.657</b>

Các thuyết minh kèm theo từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

<b>CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</b>	<b>30/6/2013</b>	<b>31/12/2012</b>
<b>I. Chứng khoán lưu ký (VNĐ)</b>	<b>620.350.890.000</b>	<b>669.884.290.000</b>
1. Chứng khoán giao dịch (VNĐ)	388.828.920.000	367.623.380.000
<i>Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký</i>	1.771.900.000	439.450.000
<i>Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước</i>	387.057.020.000	367.183.930.000
2. Chứng khoán tạm ngừng giao dịch (VNĐ)	91.613.460.000	100.300.460.000
<i>Chứng khoán tạm ngừng giao dịch của khách hàng trong nước</i>	91.613.460.000	100.300.460.000
3. Chứng khoán cầm cố (VNĐ)	136.744.150.000	136.744.150.000
<i>Chứng khoán cầm cố của khách hàng trong nước</i>	136.744.150.000	136.744.150.000
4. Chứng khoán chờ thanh toán (VNĐ)	3.092.200.000	55.416.300.000
<i>Chứng khoán chờ thanh toán của thành viên lưu ký</i>	82.000.000	101.000.000
<i>Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước</i>	3.010.200.000	55.315.300.000
5. Chứng khoán chờ giao dịch (VNĐ)	72.160.000	9.800.000.000
<i>Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký</i>	50.000	-
<i>Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước</i>	72.110.000	9.800.000.000
<b>II. Chứng khoán lưu ký công ty đại chúng chưa niêm yết (VNĐ)</b>	<b>597.830.000</b>	<b>920.460.000</b>
<i>Chứng khoán giao dịch</i>	597.830.000	920.460.000
<i>Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký</i>	1.170.000	1.400.000
<i>Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước</i>	596.660.000	919.060.000
<b>III. Ngoại tệ các loại</b>		
<i>Đô la Mỹ (USD)</i>	1.295.182	924.193
<i>Đồng Euro (EUR)</i>	194.576	194.576
<i>Đồng Yên Nhật (JPY)</i>	7.980.177	7.980.177
<i>Đô la Singapore (SGD)</i>	7.737	7.737

**Vũ Thị Dung**  
 Người lập

**Nguyễn Phú Thủy**  
 Kế toán trưởng



**Lê Văn Thành**  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 28 tháng 8 năm 2013



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

MẪU B 02a-DNBH/HN

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Đơn vị: VNĐ	
			Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012
Doanh thu phí bảo hiểm gốc	01		1.140.233.162.449	1.099.970.933.189
Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm	02		140.872.243.624	132.993.208.881
Các khoản giảm trừ	03		(328.505.855.045)	(341.790.281.153)
<i>Phí nhượng tái bảo hiểm</i>	04		(323.888.353.652)	(322.471.183.833)
<i>Giảm phí bảo hiểm</i>	05		(255.644.441)	(1.195.453.558)
<i>Hoàn phí bảo hiểm</i>	06		(4.361.856.952)	(18.123.643.762)
Tăng dự phòng phí	08		(122.820.504.304)	(58.513.534.218)
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		58.233.484.898	44.091.090.292
Thu từ các hoạt động kinh doanh bảo hiểm khác	10		364.087.681	2.103.681.989
<b>Doanh thu thuần hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>14</b>		<b>888.376.619.303</b>	<b>878.855.098.980</b>
Chi bồi thường bảo hiểm gốc	15		(624.296.422.298)	(523.643.169.672)
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		(56.502.830.126)	(47.319.648.304)
<b>Trừ các khoản khấu trừ</b>	<b>17</b>		<b>299.715.114.276</b>	<b>145.255.353.573</b>
<i>Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm</i>	18		294.517.994.011	142.465.114.738
<i>Thu đòi người thứ ba bồi hoàn</i>	19		4.650.126.971	2.385.169.904
<i>Thu hàng đã xử lý bồi thường 100%</i>	20		546.993.294	405.068.931
<b>Bồi thường thuộc phần trách nhiệm giữ lại</b>	<b>21</b>		<b>(381.084.138.148)</b>	<b>(425.707.464.403)</b>
Sử dụng bồi thường từ dự phòng dao động lớn	22		29.000.000.000	25.000.000.000
Tăng dự phòng bồi thường	23		(2.359.313.161)	(13.252.841.190)
Trích dự phòng dao động lớn	24		(29.698.491.729)	(26.567.603.671)
Chi hoa hồng bảo hiểm gốc	27		(113.175.568.378)	(105.715.414.792)
Chi đòi người thứ ba	29		-	(333.897.000)
Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	31		(901.850.655)	(429.977.951)
Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất	32		(1.898.234.239)	(858.604.049)
Chi khác (giám định, phí đồng bảo hiểm...)	33		(63.751.087.987)	(40.353.358.745)
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	35		(34.613.256.822)	(28.712.384.206)
<b>Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>41</b>		<b>(598.481.941.119)</b>	<b>(616.931.546.007)</b>
<b>Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh bảo hiểm</b>	<b>42</b>		<b>289.894.678.184</b>	<b>261.923.552.973</b>
Chi phí quản lý doanh nghiệp	44		(271.189.230.414)	(261.091.146.445)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh bảo hiểm	45		18.705.447.770	832.406.528
Doanh thu hoạt động tài chính	46	32	107.421.468.148	128.997.537.988
Chi phí tài chính	47	33	(87.662.095.350)	(81.726.551.236)
Lợi nhuận từ hoạt động tài chính	51		19.759.372.798	47.270.986.752
Thu nhập khác	52		139.753.607	887.289.485
Chi phí khác	53		(265.629.087)	(155.664.910)
(Lỗ)/lợi nhuận khác	54		(125.875.480)	731.624.575
Phần lợi nhuận thuần trong công ty liên doanh	55		14.073.823.563	15.691.312.407
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>56</b>		<b>52.412.768.651</b>	<b>64.526.330.262</b>
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	60	34	(8.585.513.616)	(10.101.801.883)
<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>61</b>		<b>43.827.255.035</b>	<b>54.424.528.379</b>
Phân phối cho: Lợi ích cổ đông thiểu số	62	31	425.634.720	3.973.763.830
Lợi ích của cổ đông Tổng Công ty	63		43.401.620.315	50.450.764.549
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>70</b>	<b>35</b>	<b>575</b>	<b>668</b>

*Vũ Thị Dung*

Vũ Thị Dung  
Người lập

*Nguyễn Phú Thủy*

Nguyễn Phú Thủy  
Kế toán trưởng



Lê Văn Thành  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 8 năm 2013

Các thuyết minh kèm theo từ trang 10 đến trang 31 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất



**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013

**MẪU B03-DNBH/HN**

Đơn vị: VNĐ

<b>CHỈ TIÊU</b>	<b>Mã số</b>	<b>Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013</b>	<b>Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	52.412.768.651	64.526.330.262
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	12.924.886.513	12.432.364.519
Tăng các khoản dự phòng	03	65.105.009.985	121.010.819.134
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(494.903.553)	2.407.264.910
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(92.761.568.700)	(130.937.806.388)
Chi phí lãi vay	06	140.037.478	734.857.384
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>37.326.230.374</b>	<b>70.173.829.821</b>
Thay đổi các khoản phải thu	09	(68.676.879.818)	(343.199.761.338)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(946.123.324)	(836.882.801)
Thay đổi các khoản phải trả	11	64.646.873.640	49.382.671.709
Thay đổi chi phí trả trước	12	(12.845.783.460)	12.653.903.402
Tiền lãi vay đã trả	13	(140.037.478)	(382.357.384)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(4.259.061.268)	(14.676.035.488)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	38.498.397.931
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(705.756.231)	(57.025.334.600)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>14.399.462.435</b>	<b>(245.411.568.748)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định	21	(9.648.858.297)	(19.337.944.739)
Tiền thu hồi từ các khoản đầu tư dài hạn và ngắn hạn khác	22	20.551.818	571.847.410
Tiền chi cho đầu tư ngắn hạn và dài hạn	23	(961.811.294.373)	(920.149.877.000)
Tiền thu hồi từ các khoản đầu tư	24	996.863.226.062	971.739.771.324
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	25.031.108.002	-
Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	29.215.227.413	136.341.726.552
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>79.669.960.625</b>	<b>169.165.523.547</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	203.679.001.142	63.253.608.984
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(206.677.986.327)	(31.253.838.984)
Cổ tức đã trả cho cổ đông	36	(90.600.000.000)	(90.600.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(93.598.985.185)</b>	<b>(58.600.230.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	<b>50</b>	<b>470.437.875</b>	<b>(134.846.275.201)</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60	244.478.136.533	438.831.019.213
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61	3.597.720	(658.231.628)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	<b>70</b>	<b>244.952.172.128</b>	<b>303.326.512.384</b>



Vũ Thị Dung  
Người lập



Nguyễn Phú Thủy  
Kế toán trưởng



Lê Văn Thành  
Tổng Giám đốc  
Ngày 28 tháng 8 năm 2013



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

**MẪU SỐ B 09-DNBH/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**

Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh (gọi tắt là "Tổng Công ty") được thành lập tại Việt Nam, là một công ty cổ phần theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 27GP/KDBH ngày 8 tháng 9 năm 2004 do Bộ Tài chính ban hành, và các giấy phép điều chỉnh. Cổ phiếu của Tổng Công ty đã được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội vào ngày 28 tháng 11 năm 2006 và chuyển sang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh từ ngày 21 tháng 4 năm 2008 với mã số chứng khoán là BMI.

Tổng Công ty có 60 chi nhánh trên cả nước và hoạt động chính của Tổng Công ty là cung cấp các dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ và đầu tư tài chính.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 1.674 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 1.710 người).

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, Tổng Công ty có công ty con và công ty liên doanh, chi tiết như sau:

**Công ty con**

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bảo Minh (gọi tắt là "Công ty con") được thành lập theo theo Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 90/UBCK-GP ngày 21 tháng 4 năm 2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp. Trụ sở chính của Công ty con đặt tại số 198 Phan Xích Long, Phường 2, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty con có vốn điều lệ là 300 tỷ đồng, trong đó Tổng Công ty sở hữu 70,02% vốn điều lệ tương đương với 70,02% quyền biểu quyết.

Lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty con là: Môi giới chứng khoán, tự doanh chứng khoán, bảo lãnh phát hành chứng khoán, và tư vấn đầu tư chứng khoán.

Tổng số nhân viên của Công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 là 54 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 56 người).

**Công ty liên doanh**

Công ty Bảo hiểm Liên hiệp (gọi tắt là "Công ty liên doanh") là công ty liên doanh giữa Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh, Công ty Bảo hiểm Sompo Japan (thành lập tại Nhật Bản) và Công ty Bảo hiểm TNHH LIG (thành lập tại Hàn Quốc) được thành lập tại Việt Nam với thời hạn hoạt động là 25 năm theo Giấy phép đầu tư số 2003/GP ngày 1 tháng 11 năm 1997 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 09GP/KDBH ngày 29 tháng 4 năm 2010 do Bộ Tài chính cấp. Trụ sở chính của Công ty liên doanh đặt tại số 2 Ngô Quyền, Hoàn Kiếm, Thành phố Hà Nội.

Hoạt động chính của Công ty liên doanh là kinh doanh các nghiệp vụ bảo hiểm phi nhân thọ, thực hiện hoạt động nhận nhượng tái bảo hiểm liên quan đến các nghiệp vụ bảo hiểm Công ty liên doanh được phép kinh doanh, thực hiện các dịch vụ liên quan gồm: giám định, điều tra, tính toán phân bổ tổn thất, đại lý giám định, xét giải quyết bồi thường từ bên thứ ba.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VNĐ), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty bảo hiểm. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tổng Công ty được lập cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 30 tháng 6.

**3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI**

Ngày 25 tháng 4 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 45/2013/TT-BTC (“Thông tư 45”) hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư này thay thế Thông tư số 203/2009/TT-BTC (“Thông tư 203”) ngày 20 tháng 10 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Thông tư 45 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10 tháng 6 năm 2013 và áp dụng cho năm tài chính 2013 trở đi. Ban Điều hành đánh giá Thông tư 45 không có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

**4. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 28 tháng 12 năm 2012, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 232/2012/TT-BTC (“Thông tư 232”) hướng dẫn kế toán áp dụng đối với doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ, doanh nghiệp tái bảo hiểm và chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài. Việc áp dụng Thông tư 232 sẽ yêu cầu trình bày các thông tin liên quan đến hợp đồng bảo hiểm, tái bảo hiểm, tình hình bồi thường và nhiều thông tin trọng yếu khác. Thông tư này sẽ có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2014 và áp dụng từ năm tài chính 2014. Ban Điều hành đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính trong tương lai của Tổng Công ty.

Ngày 28 tháng 6 năm 2013, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 89/2013/TT-BTC (“Thông tư 89”) sửa đổi, bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ phải thu khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp. Thông tư 89 có hiệu lực thi hành kể từ ngày 26 tháng 7 năm 2013. Ban Điều hành đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến báo cáo tài chính hợp nhất trong tương lai của Tổng Công ty.

**5. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính áp dụng cho các công ty bảo hiểm yêu cầu Ban Điều hành phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Điều hành, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền mặt và các khoản tương đương tiền, các khoản vay ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, đầu tư tài chính ngắn hạn, đầu tư tài chính dài hạn và các khoản ký quỹ.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Công nợ tài chính:** Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, chi phí phải trả, các khoản dự phòng nghiệp vụ và nhận ký quỹ.

***Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu***

Hiện tại, chưa có quy định về ghi nhận tiếp theo công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở các báo cáo tài chính của Tổng Công ty và báo cáo tài chính của công ty do Tổng Công ty kiểm soát (sau đây gọi tắt là "công ty con") được lập cho đến ngày lập báo cáo tài chính. Việc kiểm soát này đạt được khi Tổng Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư vào công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Tổng Công ty và công ty con khác là giống nhau. Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty được loại bỏ khi hợp nhất báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông thiểu số trong tài sản thuần của công ty con trong báo cáo tài chính hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông của Tổng Công ty. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

**Góp vốn liên doanh**

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát.

Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát. Tổng Công ty lập báo cáo về các khoản lợi ích trong các cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.





**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>Số năm</u>
Nhà cửa	5 - 25
Phương tiện vận tải	7 - 12
Máy móc thiết bị	3 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 5
Tài sản khác	3 - 5

**Thuê hoạt động**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu toàn bộ rủi ro về sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện phần mềm máy tính và quyền sử dụng đất để xây trụ sở ở các chi nhánh. Phần mềm máy tính và quyền sử dụng đất được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế, phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 đến 8 năm. Theo quy định hiện hành, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian sử dụng của lô đất và quyền sử dụng đất không thời hạn thì không trích khấu hao.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích hoạt động kinh doanh, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và các chi phí khác có liên quan phù hợp với chính sách kế toán hiện hành. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư thể hiện quyền sử dụng đất không thời hạn và có thời hạn do Tổng Công ty nắm giữ nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Tổng Công ty không trích khấu hao đối với quyền sử dụng đất không thời hạn và trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng với quyền sử dụng đất có thời hạn. Nguyên giá của bất động sản đầu tư được mua bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp như phí dịch vụ tư vấn về luật pháp liên quan, thuế trước bạ và chi phí giao dịch liên quan khác.

**Các khoản đầu tư chứng khoán**

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán. Tại ngày báo cáo tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán. Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản chứng khoán niêm yết có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất. Tổng Công ty không lập dự phòng đối với các chứng khoán chưa niêm yết mà không thể thu thập được giá thị trường tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất và chứng khoán hạn chế quyền chuyển nhượng tự do trên thị trường.

112  
CHI  
CƠ  
CH NH  
JEL  
VIỆ  
1-7



#### **Các khoản trả trước dài hạn**

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm công cụ, dụng cụ, chi phí hoa hồng chờ phân bổ và các chi phí trả trước dài hạn khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, sử dụng phương pháp đường thẳng theo thời gian Tổng Công ty ghi nhận các lợi ích kinh tế.

#### **Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu kinh doanh bảo hiểm được ghi nhận khi đơn bảo hiểm có hiệu lực, khi nhận được các bảng thanh toán từ nhà nhận tái bảo hiểm cũng như nhà nhượng tái bảo hiểm.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thực thu.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán là các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm Lưu ký Chứng khoán).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

#### **Ghi nhận các chi phí bảo hiểm chính**

*Chi phí bồi thường:* Chi phí bồi thường được ghi nhận tại thời điểm các hồ sơ bồi thường được hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Các khoản bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ thì xem là chưa giải quyết và được bao gồm trong dự phòng bồi thường.

*Chi phí hoa hồng:* Chi phí hoa hồng được ghi nhận trên cơ sở thực chi khi thực thu phí bảo hiểm hoặc phân bổ theo thời gian hiệu lực của hợp đồng bảo hiểm.

#### **Hoạt động tái bảo hiểm**

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty giảm thiểu rủi ro thiệt hại từ những hợp đồng bảo hiểm đã ký kết bằng cách tái bảo hiểm ở những mức độ nhất định các rủi ro với các công ty bảo hiểm khác hay các công ty tái bảo hiểm. Lợi ích có thể thu được từ công ty nhận tái bảo hiểm được ước tính thống nhất dựa vào hợp đồng tái bảo hiểm. Tổng Công ty có 2 hoạt động tái bảo hiểm như sau:

##### **Nhượng tái bảo hiểm**

Phí nhượng tái bảo hiểm theo hợp đồng tái bảo hiểm cố định và tái bảo hiểm tùy chọn được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi thỏa thuận của hợp đồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Khoản thu hồi từ nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về việc phát sinh trách nhiệm của bên nhận tái bảo hiểm.

Phí hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận đồng thời khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

##### **Nhận tái bảo hiểm**

Doanh thu và chi phí liên quan đến nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi nhận được các bảng thông báo thanh toán của bên nhượng tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi doanh thu tái bảo hiểm được ghi nhận và bên nhận tái bảo hiểm nhận được bảng thông báo tái bảo hiểm.

00-0  
NHÂN  
IG T  
IỂM H  
OIT  
I NA  
P. HỒ



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Ngoại tệ**

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) - "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các kỳ khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính hợp nhất và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trừ trường hợp khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu. Trong trường hợp đó, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**Dự phòng nghiệp vụ**

Dự phòng phí được tính theo phương pháp tỷ lệ 1/8 (hàng nửa quý) hoặc 1/365 (hàng ngày) dựa trên hệ số của thời hạn hiệu lực hợp đồng bảo hiểm. Phương pháp tỷ lệ 1/365 áp dụng cho các loại hình bảo hiểm được ghi nhận và theo dõi trên phần mềm nghiệp vụ bảo hiểm Policy/Asia và phương pháp tỷ lệ 1/8 được áp dụng cho các loại hình bảo hiểm còn lại. Việc áp dụng cả hai phương pháp này được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 9330/BTC-QLBH ngày 30 tháng 6 năm 2009.

Theo Công văn 15745/BTC-QLBH ngày 18 tháng 11 năm 2011, từ năm tài chính 2011, đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hóa vận chuyển, áp dụng phương pháp trích lập dự phòng phí theo tỉ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm theo quy định tại Chi tiết a, Điểm 4.1, Điều 7, Mục 2, Thông tư 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012. Cụ thể, đối với nghiệp vụ bảo hiểm hàng hoá vận chuyển bằng đường bộ, đường biển, đường sông, đường sắt và đường không, dự phòng phí chưa được hưởng được tính bằng 25% của tổng phí bảo hiểm giữ lại thuộc kỳ của nghiệp vụ bảo hiểm này.

22-C  
H  
Y  
U  
H  
A  
T  
E  
M  
C  
H  
I



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Dự phòng bồi thường cho tổn thất đã phát sinh nhưng chưa giải quyết được tính theo từng trường hợp cụ thể căn cứ vào số liệu thực tế ước tính các tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm bao gồm cả các nghiệp vụ nhận tái bảo hiểm đã khiếu nại trong kỳ.

Theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 19 – “*Hợp đồng bảo hiểm*” thì các yêu cầu đòi bồi thường phát sinh từ các hợp đồng bảo hiểm không tồn tại tại thời điểm lập báo cáo tài chính riêng thì không cần thiết phải trích lập dự phòng. Tuy nhiên, hiện tại chưa có các hướng dẫn chính thức của Bộ Tài chính liên quan đến chuẩn mực này nên dự phòng dao động lớn được tiếp tục trích lập theo quy định tại Thông tư số 125/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 7 năm 2012 của Bộ Tài chính. Trong kỳ, Tổng Công ty trích lập dự phòng dao động lớn theo tỷ lệ là 3% phí bảo hiểm giữ lại (năm 2012: 3%) và được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí bảo hiểm giữ lại trong kỳ.

**Các khoản dự phòng khác**

Các khoản dự phòng khác được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Điều hành về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất.

**Quỹ dự trữ bắt buộc và quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu**

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ của Tổng Công ty.

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận sau thuế với tỷ lệ 5% và tiếp tục được trích lập tới khi bằng 10% vốn điều lệ theo Điều lệ Tổng Công ty.

**6. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	30/6/2013	31/12/2012
	VNĐ	VNĐ
Tiền mặt	16.754.015.755	16.284.201.199
Tiền gửi ngân hàng	188.698.156.373	177.193.935.334
Các khoản tương đương tiền	39.500.000.000	51.000.000.000
	<b>244.952.172.128</b>	<b>244.478.136.533</b>

Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi có kỳ hạn ít hơn 3 tháng ở ngân hàng với lãi suất từ 6,8% đến 7,5%/năm (năm 2012: lãi suất bình quân 8,9%/năm).

**7. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

	Cổ phiếu niêm yết VNĐ	Cổ phiếu chưa niêm yết VNĐ	Trái phiếu VNĐ	Khác VNĐ	Tổng VNĐ
<b>GIÁ TRỊ KHOẢN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN</b>					
Tại ngày 01/01/2013	46.068.705.092	4.655.600.000	26.299.200.000	1.130.842.906.151	1.207.866.411.243
Tăng	330.963.935.118	-	-	606.518.850.667	937.482.785.785
Giảm	(340.245.042.062)	(495.600.000)	(26.299.200.000)	(652.618.184.000)	(1.019.658.026.062)
Tại ngày 30/6/2013	<b>36.787.598.148</b>	<b>4.160.000.000</b>	<b>-</b>	<b>1.084.743.572.818</b>	<b>1.125.691.170.966</b>
<b>DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN</b>					
Tại ngày 01/01/2013	33.266.252.622	-	-	120.610.454.800	153.876.707.422
Tăng dự phòng	294.406.549	-	-	27.375.909.200	27.670.315.749
Hoàn nhập dự phòng	(13.892.376.137)	-	-	-	(13.892.376.137)
Tại ngày 30/6/2013	<b>19.668.283.034</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>147.986.364.000</b>	<b>167.654.647.034</b>
<b>GIÁ TRỊ THUẬN ĐẦU TƯ NGẮN HẠN</b>					
Tại ngày 30/6/2013	<b>17.119.315.114</b>	<b>4.160.000.000</b>	<b>-</b>	<b>936.757.208.818</b>	<b>958.036.523.932</b>
Tại ngày 31/12/2012	<b>12.802.452.470</b>	<b>4.655.600.000</b>	<b>26.299.200.000</b>	<b>1.010.232.451.351</b>	<b>1.053.989.703.821</b>

Các khoản đầu tư ngắn hạn khác là các khoản tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng đến dưới 1 năm với lãi suất từ 6,66% đến 10%/năm (năm 2012: 6,66% tới 11,66%/năm).



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**8. PHẢI THU KHÁCH HÀNG**

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Phải thu bảo hiểm gốc	476.682.655.227	446.193.287.361
Phải thu nhận tái bảo hiểm	62.714.849.997	31.044.212.218
Phải thu nhượng tái bảo hiểm	375.365.174.853	253.697.580.829
Phải thu khách hàng khác	54.000.240	116.250.000
	<u>914.816.680.317</u>	<u>731.051.330.408</u>

**9. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

Trả trước cho người bán thể hiện số dư của các khoản tạm ứng bồi thường cho người được bảo hiểm và công ty môi giới bảo hiểm tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán.

**10. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC**

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Phải thu về hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn	104.738.439.359	103.107.144.845
Phải thu từ Tổng Công ty ĐT& KD vốn Nhà nước (i)	52.037.499.999	69.383.333.333
Phải thu tiền bán chứng khoán ứng trước cho nhà đầu tư	25.634.614.124	76.997.282.788
Phải thu từ các hợp đồng "reverse repo"	-	12.441.853.000
Phải thu từ hợp đồng giao dịch ký quỹ	74.403.256.749	11.868.128.388
Các khoản phải thu khác	95.900.134.030	142.486.580.311
	<u>352.713.944.261</u>	<u>416.284.322.665</u>

(i) Phải thu từ Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn Nhà nước ("SCIC") thể hiện phần vốn còn lại sau khi phân bổ một phần vào quỹ dự phòng dao động lớn do Tổng Công ty phân bổ số tiền vốn này trong 3 năm. Như đã trình bày tại Thuyết minh số 28 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Bộ Tài chính đã ban hành Công văn số 2803/BTC-QLBH ngày 04 tháng 3 năm 2013 hướng dẫn xử lý hạch toán tiền vốn và lãi thu được từ chuyển nhượng Bảo Minh – CMG năm 2007. Tổng Công ty đã thực hiện phân bổ số tiền vốn trong 3 năm và hạch toán một phần với số tiền là 17.345.833.334 đồng cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2013 đến 30 tháng 6 năm 2013.

**11. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Dự phòng phải thu bảo hiểm gốc	112.653.597.685	92.704.423.131
Dự phòng lãi phải thu đầu tư tài chính	41.937.250.749	41.050.716.749
Dự phòng phải thu hoạt động chứng khoán	16.189.383.889	8.231.650.390
	<u>170.780.232.323</u>	<u>141.986.790.270</u>

**12. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước thể hiện số tiền thuế thu nhập doanh nghiệp còn được hoàn lại phát sinh từ phần thuế Tổng Công ty đã nộp trước đó cho phần lợi nhuận từ việc thanh lý khoản đầu tư vào Bảo Minh – CMG sau khi bù trừ với số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho kỳ hoạt động từ 01 tháng 01 năm 2013 đến 30 tháng 6 năm 2013.

**13. CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN**

Các khoản phải thu dài hạn thể hiện các khoản dự thu tiền lãi từ các khoản đầu tư tài chính dài hạn gồm trái phiếu, tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở lên.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÀU SỐ B 09-DNBH/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**14. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa VND	Phương tiện vận tải VND	Máy móc thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Tài sản khác VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>						
Tại ngày 01/01/2013	125.469.174.018	45.530.060.694	1.931.483.777	37.866.826.592	4.801.694.581	215.599.239.662
Tăng trong kỳ	16.587.273	2.826.422.727	-	235.908.181	46.567.818	3.125.485.999
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	-	-	26.800.000	-	26.800.000
Thanh lý	-	(457.933.186)	-	(547.804.539)	(57.240.000)	(1.062.977.725)
Phân loại lại	-	(53.000.273)	(148.570.887)	(13.342.137.512)	(903.253.930)	(14.446.962.602)
Tại ngày 30/6/2013	<u>125.485.761.291</u>	<u>47.845.549.962</u>	<u>1.782.912.890</u>	<u>24.239.592.722</u>	<u>3.887.768.469</u>	<u>203.241.585.334</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>						
Tại ngày 01/01/2013	47.741.980.696	35.603.348.696	1.049.423.895	31.954.620.662	3.923.896.434	120.273.270.383
Khấu hao trong kỳ	3.659.748.742	1.764.278.423	133.274.833	1.350.063.554	191.169.939	7.098.535.491
Giảm do thanh lý	-	(457.933.186)	-	(547.804.539)	(57.240.000)	(1.062.977.725)
Phân loại lại	-	(53.000.273)	(108.105.466)	(11.907.274.966)	(721.421.112)	(12.789.801.817)
Tại ngày 30/6/2013	<u>51.401.729.438</u>	<u>36.856.693.660</u>	<u>1.074.593.262</u>	<u>20.849.604.711</u>	<u>3.336.405.261</u>	<u>113.519.026.332</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>						
Tại ngày 30/6/2013	<u>74.084.031.853</u>	<u>10.988.856.302</u>	<u>708.319.628</u>	<u>3.389.988.011</u>	<u>551.363.208</u>	<u>89.722.559.002</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>77.727.193.322</u>	<u>9.926.711.998</u>	<u>882.059.882</u>	<u>5.912.205.930</u>	<u>877.798.147</u>	<u>95.325.969.279</u>

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, nguyên giá của tài sản cố định bao gồm một số tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 53.152.671.771 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 58.339.766.961 đồng).

Phân loại lại thể hiện nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của những tài sản được phân loại sang chi phí trả trước dài hạn do không còn đủ điều kiện ghi nhận vào tài sản cố định theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ("Thông tư 45") ngày 25 tháng 4 năm 2013, do Bộ Tài chính đã ban hành hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

**15. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	282.375.828.200	73.133.161.822	355.508.990.022
Tăng trong kỳ	-	1.306.771.117	1.306.771.117
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	8.917.456.649	8.917.456.649
Giảm khác	-	(62.600.000)	(62.600.000)
Tại ngày 30/6/2013	<u>282.375.828.200</u>	<u>83.294.789.588</u>	<u>365.670.617.788</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2013	980.063.014	36.898.697.672	37.878.760.686
Khấu hao trong kỳ	231.284.737	4.804.917.400	5.036.202.137
Giảm khác	-	(62.600.000)	(62.600.000)
Tại ngày 30/6/2013	<u>1.211.347.751</u>	<u>41.641.015.072</u>	<u>42.852.362.823</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 30/6/2013	<u>281.164.480.449</u>	<u>41.653.774.516</u>	<u>322.818.254.965</u>
Tại ngày 31/12/2012	<u>281.395.765.186</u>	<u>36.234.464.150</u>	<u>317.630.229.336</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 14.648.843.013 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 14.451.635.363 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	2013 VNĐ	2012 VNĐ
Tại ngày 01 tháng 01	32.823.704.340	48.971.893.557
Tăng trong kỳ/năm	5.216.601.181	24.010.149.051
Kết chuyển sang tài sản cố định	(8.944.256.649)	(38.843.558.015)
Giảm khác	-	(1.314.780.253)
<b>Tại ngày 30 tháng 6 và 31 tháng 12</b>	<b>29.096.048.872</b>	<b>32.823.704.340</b>

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang tại 30 tháng 6 năm 2013 và 31 tháng 12 năm 2012 là giá trị các công trình xây dựng trụ sở của các chi nhánh Bảo Minh và giá trị các chi phí xây dựng dở dang khác. Chi tiết giá trị cuối kỳ như sau:

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
- Giá trị đất trụ sở	3.956.818.182	3.956.818.182
- Nhà số 85/3 Hồ Tùng Mậu, Quận 1, TP.HCM	11.102.271.300	11.102.271.300
- Chi phí dự án BEST 2012	-	7.765.527.446
- Nhà số 217 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 1, TP.HCM	2.223.722.302	1.945.832.988
- Trụ sở Bảo Minh Lạng Sơn	1.475.062.063	1.463.841.154
- Trụ sở Bảo Minh Cần Thơ	1.130.698.710	1.116.269.710
- Trụ sở Bảo Minh Bạc Liêu	2.892.215.909	1.518.398.886
- Các công trình khác	6.315.260.406	3.954.744.674
	<b>29.096.048.872</b>	<b>32.823.704.340</b>

**17. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	Quyền sử dụng đất VNĐ
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	
Tại ngày 01/01/2013	27.638.017.517
Giảm khác	(10.909.091)
<b>Tại ngày 30/6/2013</b>	<b>27.627.108.426</b>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	
Tại ngày 01/01/2013	965.953.659
Khấu hao trong kỳ	790.148.885
Giảm khác	(1.666.832)
<b>Tại ngày 30/6/2013</b>	<b>1.754.435.712</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	
<b>Tại ngày 30/6/2013</b>	<b>25.872.672.714</b>
<b>Tại ngày 31/12/2012</b>	<b>26.672.063.858</b>

Theo quy định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 (VAS 05) - "Bất động sản đầu tư", giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 cần được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, Tổng Công ty có ý định nắm giữ các bất động sản lâu dài và Tổng Công ty cũng chưa xác định được các bất động sản cùng loại tương tự để so sánh.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH/HN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo

**18. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN DOANH**

Công ty Bảo hiểm Liên hiệp (gọi tắt là "UIC") được thành lập tại Việt Nam theo hình thức công ty liên doanh giữa Tổng Công ty, Công ty Bảo hiểm Sompo Japan (thành lập tại Nhật Bản) và Công ty Bảo hiểm TNHH LIG (thành lập tại Hàn Quốc) với thời hạn hoạt động là 25 năm theo Giấy phép đầu tư số 2003/GP ngày 01 tháng 11 năm 1997 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp và giấy phép điều chỉnh gần nhất số 09GP/KDBH ngày 29 tháng 4 năm 2010 do Bộ Tài chính cấp. Tổng Công ty sở hữu 48,45% vốn điều lệ tương đương với 48,45% quyền biểu quyết.

	30/6/2013	31/12/2012
	VND	VND
Giá gốc của khoản đầu tư vào công ty liên doanh	152.781.309.450	152.781.309.450
Phần lợi nhuận thuần của Tổng Công ty trong liên doanh	96.087.170.376	82.164.206.151
	<b><u>248.868.479.826</u></b>	<b><u>234.945.515.601</u></b>

**19. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC VÀ DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN**

	Cổ phiếu VND	Trái phiếu VND	Khác VND	Tổng VND
<b>GIÁ TRỊ KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC</b>				
Tại ngày 01/01/2013	304.063.113.370	220.297.711.055	137.000.000.000	661.360.824.425
Tăng	15.031.372.295	-	47.000.000.000	62.031.372.295
Giảm	(25.031.108.002)	-	(4.000.000.000)	(29.031.108.002)
Tại ngày 30/6/2013	<b><u>294.063.377.663</u></b>	<b><u>220.297.711.055</u></b>	<b><u>180.000.000.000</u></b>	<b><u>694.361.088.718</u></b>
<b>DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b>				
Tại ngày 01/01/2013	19.488.704.338	-	-	19.488.704.338
Tăng	15.063.019.341	23.849.313.317	-	38.912.332.658
Hoàn nhập	(16.378.704.338)	-	-	(16.378.704.338)
Tại ngày 30/6/2013	<b><u>18.173.019.341</u></b>	<b><u>23.849.313.317</u></b>	<b><u>-</u></b>	<b><u>42.022.332.658</u></b>
<b>GIÁ TRỊ THUẦN ĐẦU TƯ DÀI HẠN</b>				
Tại ngày 30/6/2013	<b><u>275.890.358.322</u></b>	<b><u>196.448.397.738</u></b>	<b><u>180.000.000.000</u></b>	<b><u>652.338.756.060</u></b>
Tại ngày 31/12/2012	<b><u>284.574.409.032</u></b>	<b><u>220.297.711.055</u></b>	<b><u>137.000.000.000</u></b>	<b><u>641.872.120.087</u></b>

Chi tiết danh mục đầu tư cổ phiếu và trái phiếu tại ngày kết thúc kỳ kế toán:

	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện	48.020.000.000	48.020.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Cấp nước Thủ Đức	1.277.992.000	1.277.992.000
Cổ phiếu Công ty CP Thương mại và Dịch vụ Dầu khí Vũng Tàu	211.203.135	211.203.135
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khách sạn Hạ Long	6.000.000.000	6.000.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Khách sạn Sài Gòn Kim Liên	7.618.100.000	7.618.100.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Xi măng Hà Tiên	779.200.000	779.200.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần phần Vận tải Long An	100.000.000	100.000.000
Cổ phiếu Tổng Công ty CP Tái bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	43.218.000.000	43.218.000.000
Cổ phiếu Công ty Cổ phần Địa ốc 9	514.000.000	514.000.000
Cổ phiếu Công ty Quản lý Quỹ Đầu tư Bảo Việt	30.782.171.949	40.080.953.060
Cổ phiếu Quỹ Đầu tư tăng trưởng Việt Nam - VF2	8.542.710.579	9.243.665.175
Cổ phiếu Tổng Công ty CP Rượu bia nước giải khát Sài Gòn	7.000.000.000	7.000.000.000
Cổ phiếu Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	80.000.000.000	80.000.000.000
Cổ phiếu Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam	60.000.000.000	60.000.000.000
	<b><u>294.063.377.663</u></b>	<b><u>304.063.113.370</u></b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

Trái phiếu Công ty Cổ phần Sông Đà Thăng Long	12.497.711.055	12.497.711.055
Trái phiếu Tập đoàn Điện lực Việt Nam	110.000.000.000	110.000.000.000
Trái phiếu Tập đoàn Công nghiệp Tàu Thủy (Vinashin)	67.000.000.000	67.000.000.000
Trái phiếu Chính phủ	26.800.000.000	26.800.000.000
Trái phiếu ASP Công ty CP DK Anpha	4.000.000.000	4.000.000.000
	<b>220.297.711.055</b>	<b>220.297.711.055</b>

Các khoản đầu tư dài hạn khác là các khoản tiền gửi và khoản đầu tư ủy thác có kỳ hạn trên 1 năm.

**20. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	1.253.171.349	1.701.763.554
Chi phí hoa hồng chờ phân bổ	63.872.901.845	55.938.896.259
Chi phí trả trước dài hạn khác	73.860.086.421	67.647.401.470
	<b>138.986.159.615</b>	<b>125.288.061.283</b>

**21. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong kỳ:

	Dự phòng phải thu khó đòi VNĐ
Tại ngày 01/01/2013 và 30/6/2013	<u>2.057.912.598</u>

**22. KÝ QUỸ BẮT BUỘC**

Số dư ký quỹ bắt buộc thể hiện số tiền bằng 2% vốn pháp định đối với doanh nghiệp kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ là 300 tỷ đồng được quy định tại khoản 1, điều 4, Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ.

**23. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Phải trả bồi thường bảo hiểm gốc	63.123.291.879	50.994.407.011
Phải trả về hoàn phí bảo hiểm gốc	102.836.108	133.483.283
Phải trả bồi thường nhận tái bảo hiểm	37.079.606.657	26.133.999.165
Phải trả về phí nhượng tái bảo hiểm	317.723.021.852	257.199.826.933
Phải trả hoạt động kinh doanh chứng khoán	8.745.754	28.007.754
	<b>418.037.502.250</b>	<b>334.489.724.146</b>

**24. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC**

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Doanh thu chưa thực hiện	17.532.434.141	61.009.949.814
Thu tiền ứng trước từ khách hàng	38.985.487.746	32.026.513.573
Trả tiền trước hoạt động kinh doanh chứng khoán	30.000.000	65.000.000
	<b>56.547.921.887</b>	<b>93.101.463.387</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**25. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Thuế giá trị gia tăng	23.806.264.236	19.746.854.222
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.133.590.166	2.295.735.845
Thuế thu nhập cá nhân	242.496.555	203.067.600
Phải nộp nhà nước khác	2.905.999.819	3.690.313.381
	<b>28.088.350.776</b>	<b>25.935.971.048</b>

**26. PHẢI TRẢ NGƯỜI LAO ĐỘNG**

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2013, phải trả người lao động thể hiện khoản chênh lệch giữa quỹ lương trích vào chi phí trong kỳ và số lương, thưởng thực tế chi trả cho cán bộ công nhân viên trong kỳ.

**27. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP KHÁC**

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Phải trả phí đồng bảo hiểm	2.069.874.024	11.702.200.560
Phải trả cổ tức cho cổ đông của Công ty con	5.466.428.200	2.447.250.000
Phải trả trung tâm lưu ký chứng khoán	1.387.000.000	51.321.367.123
Phải trả cho nhà đầu tư chứng khoán	15.344.822.230	2.965.347.233
Các khoản phải trả khác	34.931.044.063	43.051.545.858
	<b>59.199.168.517</b>	<b>111.487.710.774</b>

**28. DỰ PHÒNG NGHIỆP VỤ**

	Dự phòng phí VNĐ	Dự phòng bồi thường VNĐ	Dự phòng dao động lớn VNĐ	Tổng VNĐ
Số dư tại ngày 01/01/2012	674.364.337.276	126.305.466.773	168.537.991.921	969.207.795.970
Số trích lập/(hoàn nhập) trong năm	56.433.002.128	(13.165.748.867)	52.149.635.203	95.416.888.464
Số sử dụng trong năm	-	-	(65.000.000.000)	(65.000.000.000)
Điều chỉnh giảm	-	-	(34.691.666.667)	(34.691.666.667)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2012</b>	<b>730.797.339.404</b>	<b>113.139.717.906</b>	<b>120.995.960.457</b>	<b>964.933.017.767</b>
Số trích lập trong kỳ	122.820.504.304	2.359.313.161	29.698.491.729	154.878.309.194
Số sử dụng trong kỳ (i)	-	-	(29.000.000.000)	(29.000.000.000)
Điều chỉnh giảm (ii)	-	-	(17.345.833.334)	(17.345.833.334)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2013</b>	<b>853.617.843.708</b>	<b>115.499.031.067</b>	<b>104.348.618.852</b>	<b>1.073.465.493.627</b>

(i) Trong kỳ, Tổng Công ty đã sử dụng 29.000.000.000 đồng (năm 2012: 65.000.000.000 đồng) từ quỹ dự phòng dao động lớn cho bồi thường gốc và bồi thường nhận tái bảo hiểm trong kỳ.

(ii) Như đã trình bày tại Thuyết minh số 10 của phần Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất, Bộ Tài chính đã ban hành công văn số 2803/BTC-QLBH ngày 04 tháng 3 năm 2013 hướng dẫn xử lý hạch toán vốn và lãi thu được từ việc thanh lý khoản đầu tư vào Bảo Minh – CMG. Theo đó, đối với số tiền gốc 5.000.000 đô la Mỹ (tương đương 104.075.000.000 đồng) được hạch toán giảm dự phòng dao động lớn không quá 3 năm. Tổng Công ty đã thực hiện phân bổ số tiền gốc trong 3 năm và hạch toán một phần với số tiền là 17.345.833.334 đồng ghi giảm quỹ dự phòng dao động lớn cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**29. VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Theo Giấy phép thành lập và hoạt động, vốn điều lệ của Tổng Công ty là 755.000.000.000 đồng. Mệnh giá cổ phần và số cổ phần của Tổng Công ty như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	75.500.000	75.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>75.500.000</i>	<i>75.500.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu quỹ	-	-
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	75.500.000	75.500.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>75.500.000</i>	<i>75.500.000</i>
<i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VNĐ/cổ phiếu.

Tổng Công ty chỉ phát hành một loại cổ phần phổ thông không được hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Tổng Công ty. Tất cả các cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Tổng Công ty.

Vốn điều lệ đã được góp như sau:

	Theo giấy chứng nhận doanh nghiệp		Vốn đã góp	
			30/6/2013	31/12/2012
	VNĐ	%	VNĐ	VNĐ
Tổng Công ty Đầu tư & KD vốn Nhà nước	382.788.000.000	50,70	382.788.000.000	382.788.000.000
AXA .SA - Pháp	125.700.000.000	16,65	125.700.000.000	125.700.000.000
Tổng Công ty Hàng không Việt Nam	42.532.000.000	5,63	42.532.000.000	42.532.000.000
Tập đoàn Sông Đà	13.968.500.000	1,85	13.968.500.000	13.968.500.000
Tổng Công ty Lương thực Miền Nam	16.640.500.000	2,20	16.640.500.000	16.640.500.000
Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam	2.006.500.000	0,27	968.100.000	2.006.500.000
Tổng Công ty Hóa chất Việt Nam	12.152.000.000	1,61	1.180.330.000	12.152.000.000
Tổng Công ty Thuốc lá Việt Nam	12.152.000.000	1,61	12.152.000.000	12.152.000.000
Tổng Công ty Cổ phần XNK Xây dựng Việt Nam	9.515.800.000	1,26	-	9.515.800.000
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	6.076.000.000	0,80	6.076.000.000	6.076.000.000
Tổng Công ty Vật tư Nông Nghiệp	6.076.000.000	0,80	6.076.000.000	6.076.000.000
Nhân viên của Tổng Công ty và cổ đông khác	125.392.700.000	16,61	146.918.570.000	125.392.700.000
	<b>755.000.000.000</b>	<b>100</b>	<b>755.000.000.000</b>	<b>755.000.000.000</b>



**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO MINH**

26 Tôn Thất Đạm, Quận 1

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính hợp nhất**Cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013  
đến ngày 30 tháng 6 năm 2013**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo***MẪU SỐ B 09-DNBH/HN****Thay đổi trong vốn chủ sở hữu**

	Vốn điều lệ VNĐ	Thặng dư vốn cổ phần VNĐ	Quỹ dự phòng tài chính VNĐ	Quỹ dự trữ bất buộc VNĐ	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VNĐ	Lợi nhuận chưa phân phối VNĐ	Tổng VNĐ
<b>Số dư tại ngày 1/1/2012</b>	<b>755.000.000.000</b>	<b>1.133.484.074.449</b>	<b>1.953.070.906</b>	<b>48.913.068.945</b>	<b>15.039.052.153</b>	<b>316.290.791.314</b>	<b>2.270.680.057.767</b>
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	86.532.599.290	86.532.599.290
Cổ tức đã trả	-	-	-	-	-	(90.600.000.000)	(90.600.000.000)
Phân phối quỹ từ lợi nhuận sau thuế	-	-	802.579.739	2.214.421.410	2.012.798.747	(5.029.799.896)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(669.833.990)	(669.833.990)
Giảm số trích dự phòng theo quyết toán thuế 2011	-	-	-	-	-	10.388.764.492	10.388.764.492
Hoàn nhập thuế chuyển nhượng vốn	-	-	-	-	-	23.362.957.306	23.362.957.306
Nộp bổ sung thuế 2011	-	-	-	-	-	(2.604.722.487)	(2.604.722.487)
Điều chỉnh giảm CMG	-	-	-	-	-	(107.760.926.445)	(107.760.926.445)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(133.751.853)	-	(133.751.853)
Chi khác	-	-	-	-	-	(3.486.425.187)	(3.486.425.187)
Giảm khác	-	-	-	-	-	(433.372.508)	(433.372.508)
<b>Số dư tại ngày 31/12/2012</b>	<b>755.000.000.000</b>	<b>1.133.484.074.449</b>	<b>2.755.650.645</b>	<b>51.127.490.355</b>	<b>16.918.099.047</b>	<b>225.990.031.889</b>	<b>2.185.275.346.385</b>
Lợi nhuận trong kỳ	-	-	-	-	-	43.401.620.315	43.401.620.315
Chia cổ tức năm 2012	-	-	-	-	-	(90.600.000.000)	(90.600.000.000)
Phân phối quỹ từ lợi nhuận sau thuế	-	-	49.704.708	4.748.938.313	4.095.463.010	(8.894.106.031)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(17.400.509.257)	(17.400.509.257)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(113.572.440)	-	(113.572.440)
Chi khác	-	-	-	-	-	(251.360.013)	(251.360.013)
<b>Số dư tại ngày 30/6/2013</b>	<b>755.000.000.000</b>	<b>1.133.484.074.449</b>	<b>2.805.355.353</b>	<b>55.876.428.668</b>	<b>20.899.989.617</b>	<b>152.245.676.903</b>	<b>2.120.311.524.990</b>

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hàng năm số 0555/2013-BM/DHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2013, các cổ đông của Tổng Công ty đồng ý chia cổ tức năm 2012 với số tiền là 90.600.000.000 đồng tương đương 12% vốn điều lệ (năm 2012: 90.600.000.000 đồng tương đương 12% vốn điều lệ) từ lợi nhuận chưa phân phối của Tổng Công ty.

Các khoản điều chỉnh của quỹ dự trữ bất buộc, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu, trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và chi khác từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ là các khoản điều chỉnh phân phối lợi nhuận năm 2012 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông nêu trên.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DNBH/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**30. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – “*Báo cáo bộ phận*”, Báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 nằm trong phạm vi điều chỉnh và cần xem xét trình bày thông tin báo cáo tài chính bộ phận; tuy nhiên Tổng Công ty đã xem xét đánh giá và quyết định không lập và trình bày những thông tin này trong báo cáo hợp nhất do hoạt động kinh doanh chính của Tổng Công ty là kinh doanh bảo hiểm và đầu tư từ nguồn vốn của hoạt động bảo hiểm. Kết quả hoạt động đầu tư được trình bày trong phần doanh thu và chi phí hoạt động tài chính của Tổng Công ty như trình bày tại thuyết minh số 32 và số 33 phần thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất. Về mặt địa lý, Bảo Minh chỉ cung cấp dịch vụ bảo hiểm trong lãnh thổ Việt Nam.

Với các lý do nêu trên Tổng Công ty đã đánh giá và tin tưởng rằng việc không lập và trình bày báo cáo tài chính bộ phận trong báo cáo tài chính hợp nhất cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến 30 tháng 6 năm 2013 là phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 – “*Báo cáo bộ phận*” và phù hợp với tình hình kinh doanh hiện nay của Tổng Công ty.

**31. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ**

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần nắm giữ của các cổ đông khác đối với giá trị tài sản thuần và kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty con. Tỷ lệ lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày 30 tháng 6 năm 2013 được xác định là 29,98% (tại ngày 31 tháng 12 năm 2012: 29,98%). Lợi ích của cổ đông thiểu số bằng tài sản thuần tại Công ty con như sau:

	30/6/2013	31/12/2012
	VNĐ	VNĐ
Tổng tài sản	339.470.707.933	396.657.492.763
Tổng nợ phải trả	25.713.699.228	65.967.026.502
<b>Tài sản thuần</b>	<b>313.757.008.705</b>	<b>330.690.466.261</b>
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	300.000.000.000	300.000.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	4.006.505.789	3.935.519.345
Quỹ dự phòng tài chính	4.006.505.789	3.935.519.345
Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	395.531.293	557.731.293
Lợi nhuận chưa phân phối	5.348.465.834	22.261.696.278
<b>Lợi ích của cổ đông thiểu số</b>		
<i>Chi tiết như sau:</i>		
Vốn điều lệ	89.942.000.000	89.942.000.000
Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ	1.201.150.436	1.179.868.700
Quỹ dự phòng tài chính	1.201.150.436	1.179.868.700
Quỹ khác thuộc chủ sở hữu	118.580.281	167.207.841
Lợi nhuận chưa phân phối	1.603.470.057	6.674.056.544
	<b>94.066.351.210</b>	<b>99.143.001.785</b>

Lợi ích của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh cho kỳ hoạt động từ ngày 01 tháng 01 năm 2013 đến ngày 30 tháng 6 năm 2013 và từ ngày 01 tháng 01 năm 2012 đến ngày 30 tháng 6 năm 2012:

	Từ 01/01/2013	Từ 01/01/2012
	đến 30/6/2013	đến 30/6/2012
	VNĐ	VNĐ
Lợi nhuận trong kỳ	1.419.728.885	13.254.715.910
Lợi nhuận của cổ đông thiểu số từ kết quả hoạt động kinh doanh	425.634.720	3.973.763.830



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DNBH/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**32. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	64.931.730.981	91.086.734.250
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	10.437.050.557	13.890.980.138
Cổ tức, lợi nhuận được chia	12.111.519.620	8.542.927.470
Lãi chênh lệch tỷ giá	6.021.599.123	4.156.463.688
Doanh thu hoạt động mua bán chứng khoán	2.062.324.713	2.069.536.425
Doanh thu từ nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán	3.648.942.820	286.210.030
Doanh thu hoạt động tài chính khác	8.208.300.334	8.964.685.987
	<b>107.421.468.148</b>	<b>128.997.537.988</b>

**33. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Chi phí lãi vay	140.037.478	734.857.384
Chi phí cho hoạt động đầu tư	23.793.609.183	22.571.483.827
Lỗ chênh lệch tỷ giá	4.917.036.435	9.101.075.555
Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán	51.892.434.081	47.659.299.434
Chi phí hoạt động mua bán chứng khoán	485.801.149	-
Chi phí nghiệp vụ kinh doanh chứng khoán	3.743.641.719	634.701.750
Chi phí tài chính khác	2.689.535.305	1.025.133.286
	<b>87.662.095.350</b>	<b>81.726.551.236</b>

**34. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lợi nhuận trước thuế	52.412.768.651	64.526.330.262
Cộng: Chi phí không được khấu trừ	8.114.628.994	-
Trừ: Thu nhập cố tức không chịu thuế	(24.714.999.619)	(24.119.122.734)
Thu nhập chịu thuế	35.812.398.026	40.407.207.528
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>8.585.513.616</b>	<b>10.101.801.883</b>

Tổng Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ 25% trên thu nhập chịu thuế.

**35. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty được thực hiện trên cơ sở các số liệu sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VND	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VND
Lợi nhuận trong kỳ phân bổ cho các cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tổng Công ty	43.401.620.315	50.450.764.549
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	43.401.620.315	50.450.764.549
Số cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	75.500.000	75.500.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>575</b>	<b>668</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**36. CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Theo Công văn số 15861/BTC-TCT ngày 26 tháng 12 năm 2008 của Bộ Tài chính thì đối với nghiệp vụ tái bảo hiểm ra nước ngoài phải chịu thuế nhà thầu theo quy định tại Thông tư số 05/2005/TT-BTC ngày 11 tháng 01 năm 2005 với tỷ lệ 2% trên số phí tái bảo hiểm ra nước ngoài. Theo đó một khoản thuế nhà thầu với giá trị ước tính khoảng 25 tỷ đồng tính trên số phí tái bảo hiểm ra nước ngoài của Tổng Công ty từ năm 2005 đến hết năm 2008 chưa được Tổng Công ty ghi nhận. Theo Công văn số 8667/BCT-TCT ngày 6 tháng 7 năm 2010 của Bộ Tài chính, thì các hợp đồng tái bảo hiểm ký với doanh nghiệp bảo hiểm nước ngoài là những nước đã ký kết hiệp định tránh đánh thuế hai lần với Việt Nam thì được miễn thuế nhà thầu phát sinh trong các năm từ 2005 đến 2008. Tại ngày lập báo cáo này, Tổng Công ty đã tính toán và nộp phần thuế không được miễn đồng thời đang tiến hành thực hiện các thủ tục miễn thuế theo Công văn nêu trên.

**37. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VNĐ
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ	<u>7.434.909.269</u>	<u>3.721.414.588</u>

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Tổng Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động với lịch thanh toán như sau:

	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
Trong vòng một năm	11.212.044.493	7.756.307.618
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	19.145.268.554	16.208.429.327
Sau năm năm	462.044.500	67.226.250
	<u>30.819.357.547</u>	<u>24.031.963.195</u>

Các khoản thuê hoạt động thể hiện tiền thuê đất, văn phòng và đường truyền internet với thời hạn từ 1 năm tới 30 năm.

**38. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH**

**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản vay và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông, bao gồm vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, quỹ dự trữ bắt buộc, quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu và lợi nhuận chưa phân phối.

**Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản tài chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 5.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	30/6/2013 VNĐ	31/12/2012 VNĐ
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	244.952.172.128	244.478.136.533
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.080.651.192.195	1.051.591.738.742
Đầu tư tài chính ngắn hạn	958.036.523.932	1.053.989.703.821
Đầu tư tài chính dài hạn	652.338.756.060	641.872.120.087
Các khoản ký quỹ	11.818.721.975	11.790.032.546
	<b>2.947.797.366.290</b>	<b>3.003.721.731.729</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Vay ngắn hạn	-	2.998.985.191
Phải trả người bán và phải trả khác	477.236.670.767	445.977.434.920
Chi phí phải trả	134.216.686	255.128.651
Dự phòng nghiệp vụ	1.073.465.493.627	964.933.017.767
Nhận ký quỹ	391.546.786	530.237.066
	<b>1.551.227.927.866</b>	<b>1.414.694.803.595</b>

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Tổng Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Tổng Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Tổng Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá cổ phiếu), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro bảo hiểm.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái, lãi suất và giá cổ phiếu. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

*Quản lý rủi ro tỷ giá*

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị còn lại của các tài sản bằng tiền và công nợ phải trả có gốc bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ như sau:

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DNBH/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	Tài sản		Công nợ	
	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND	30/6/2013 VND	31/12/2012 VND
Đô la Mỹ (USD)	477.958.890.517	392.030.018.340	209.596.149.061	197.744.284.886
Đồng EURO (EUR)	11.042.862.182	5.590.672.090	9.103.598.688	6.772.121.324
Bảng Anh (GBP)	10.010.225.971	11.375.363.394	4.288.495.985	1.104.278.864
Yên Nhật (JPY)	1.764.642.629	1.945.748.356	145.876.451	759.126.098
Đô la Singapore (SGD)	660.742.173	195.435.018	-	-
Won Hàn Quốc (KRW)	8.987.022.508	335.287.506	2.133.618.032	56.111.611
Đồng Franc Thụy Sĩ (CHF)	-	-	35.461.749	36.234.949
Đô la Úc (AUD)	26.106.601	2.903.156	-	-

*Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ*

Tổng Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của Đồng Đô la Mỹ, Đồng Euro, Đồng Bảng Anh, Đồng Yên Nhật và Đồng Won hàn Quốc.

Bảng sau đây thể hiện phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ của Tổng Công ty trong trường hợp tỷ giá đồng Việt Nam tăng/giảm 5% so với các đồng tiền trên. Tỷ lệ thay đổi 5% được Ban Điều hành sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Điều hành về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư lớn của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 5% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá các đồng ngoại tệ dưới đây so với đồng Việt Nam tăng/giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế trong kỳ của Tổng Công ty sẽ tăng/giảm các khoản tương ứng như sau:

	2013 VND	2012 VND
Đô la Mỹ (USD)	13.366.549.783	9.729.298.742
Đồng EURO (EUR)	96.590.574	(57.809.425)
Bảng Anh (GBP)	282.903.789	506.388.113
Yên Nhật (JPY)	81.813.572	63.794.897
Won Hàn Quốc (KRW)	279.765.761	13.876.684

*Quản lý rủi ro lãi suất*

Tổng số tài sản tài chính nhận lãi suất của Tổng Công ty được trình bày tại Thuyết minh số 6, số 7 và số 19. Chính sách của Tổng Công ty là duy trì nguồn tiền, các khoản tương đương tiền và các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn với mức lãi suất cố định.

*Quản lý rủi ro về giá cổ phiếu*

Các cổ phiếu do Tổng Công ty nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tổng Công ty quản lý rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư. Ban Điều hành của Tổng Công ty cũng xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào cổ phiếu như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Tổng Công ty đánh giá rủi ro về thay đổi giá cổ phiếu là không đáng kể.

Tổng Công ty cũng chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào các công ty liên kết. Hội đồng Quản trị của Tổng Công ty xem xét và phê duyệt các quyết định đầu tư vào công ty liên kết như ngành nghề kinh doanh, công ty để đầu tư, v.v. Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này trong tương lai gần.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃU SỐ B 09-DNBH/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

**Quản lý rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tổng Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 – 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
30/6/2013			
Tiền và các khoản tương đương tiền	244.952.172.128	-	244.952.172.128
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.044.712.892.256	35.938.299.939	1.080.651.192.195
Đầu tư tài chính ngắn hạn	958.036.523.932	-	958.036.523.932
Đầu tư tài chính dài hạn	-	652.338.756.060	652.338.756.060
Các khoản ký quỹ	526.762.135	11.291.959.840	11.818.721.975
	<b>2.248.228.350.451</b>	<b>699.569.015.839</b>	<b>2.947.797.366.290</b>
Phải trả người bán và phải trả khác	477.236.670.767	-	477.236.670.767
Chi phí phải trả	134.216.686	-	134.216.686
Dự phòng nghiệp vụ	969.116.874.775	104.348.618.852	1.073.465.493.627
Nhận ký quỹ	-	391.546.786	391.546.786
	<b>1.446.487.762.228</b>	<b>104.740.165.638</b>	<b>1.551.227.927.866</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>801.740.588.223</b>	<b>594.828.850.201</b>	<b>1.396.569.438.424</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (Tiếp theo)**

**MÃ SỐ B 09-DNBH/HN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo*

	Dưới 1 năm VNĐ	Từ 1 – 5 năm VNĐ	Tổng VNĐ
31/12/2012			
Tiền và các khoản tương đương tiền	244.478.136.533	-	244.478.136.533
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.005.348.862.803	46.242.875.939	1.051.591.738.742
Đầu tư tài chính ngắn hạn	1.053.989.703.821	-	1.053.989.703.821
Đầu tư tài chính dài hạn	-	641.872.120.087	641.872.120.087
Các khoản ký quỹ	607.012.135	11.183.020.411	11.790.032.546
	<b>2.304.423.715.292</b>	<b>699.298.016.437</b>	<b>3.003.721.731.729</b>
Vay ngắn hạn	2.998.985.191	-	2.998.985.191
Phải trả người bán và phải trả khác	445.977.434.920	-	445.977.434.920
Chi phí phải trả	255.128.651	-	255.128.651
Dự phòng nghiệp vụ	843.937.057.310	120.995.960.457	964.933.017.767
Nhận ký quỹ	-	530.237.066	530.237.066
	<b>1.293.168.606.072</b>	<b>121.526.197.523</b>	<b>1.414.694.803.595</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>1.011.255.109.220</b>	<b>577.771.818.914</b>	<b>1.592.025.913.325</b>

Ban Điều hành đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Điều hành tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**Rủi ro bảo hiểm**

Rủi ro của bất kỳ hợp đồng bảo hiểm nào là khả năng xảy ra sự kiện bảo hiểm và tính không chắc chắn của số tiền bồi thường bảo hiểm theo hợp đồng. Bản chất của hợp đồng bảo hiểm là rủi ro xảy ra sự kiện bảo hiểm ngẫu nhiên và do đó không thể dự đoán trước được.

Mức độ thường xuyên và tính chất nghiêm trọng của bồi thường bảo hiểm bị tác động bởi nhiều yếu tố. Yếu tố đáng lưu ý nhất là mức độ gia tăng số trường hợp tranh chấp liên quan đến tòa án vẫn chưa được giải quyết hoặc xử lý chậm trong thời gian dài. Lạm phát ước tính cũng là nhân tố đáng kể do giải quyết những trường hợp này thường kéo dài qua nhiều năm.

Tổng Công ty quản lý những rủi ro này thông qua chiến lược cung cấp bảo hiểm, xây dựng tỉ lệ phí giữ lại hợp lý cho từng sản phẩm bảo hiểm và sắp xếp tái bảo hiểm hợp lý và chủ động giải quyết bồi thường.

**39. NGHIỆP VỤ VÀ SÓ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Thu nhập Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành và Ban Kiểm soát được hưởng trong kỳ như sau:

	Từ 01/01/2013 đến 30/6/2013 VNĐ	Từ 01/01/2012 đến 30/6/2012 VNĐ
Lương và các khoản phúc lợi khác	2.928.437.400	3.831.264.237



**Vũ Thị Dung**  
 Người lập



**Nguyễn Phú Thủy**  
 Kế toán trưởng



**Lê Văn Thành**  
 Tổng Giám đốc  
 Ngày 28 tháng 8 năm 2013